



wéi shù bù duō

为数不多

idiom (adjective phrase) · few in number; not many

Example Sentence

Zhè zhǒng gǔ shū bǎo cún zhì jīn de wéi shù bù duō

这种古书保存至今的为数不多。

Few of these ancient books have survived to the present day.

Trace each character, then write the word on your own.

为	为	为	为	为	为	为				
数	数	数	数	数	数	数	数	数	数	数
数	数	数	数	数						
不	不	不	不	不	不	不				
多	多	多	多	多	多	多	多	多		